

Số : 08/2006/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2006

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hoạt động cho thuê tài chính hợp vốn của các công ty cho thuê tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 31 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cho thuê tài chính hợp vốn của các công ty cho thuê tài chính như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn hoạt động cho thuê tài chính hợp vốn của các công ty cho thuê tài chính đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại Việt Nam có nhu cầu thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác để thực hiện các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư phục vụ đời sống trong nước (gọi tắt là dự án). Thông tư này không hướng dẫn hoạt động cho thuê tài chính hợp vốn ra nước ngoài.

2. Giải thích từ ngữ:

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. *Cho thuê tài chính hợp vốn (gọi tắt là cho thuê hợp vốn)*: Là hoạt động cho thuê tài chính của một nhóm công ty cho thuê tài chính (từ 2 công ty cho thuê tài chính trở lên) đối với bên thuê, do một công ty cho thuê tài chính làm đầu mối.

2.2. *Bên cho thuê hợp vốn*: Là nhóm công ty cho thuê tài chính được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam (từ 2 công ty cho thuê tài chính trở lên) phối hợp với nhau để thực hiện việc cho thuê hợp vốn đối với bên thuê theo quy định tại Thông tư này.

2.3. *Thành viên*: Là công ty cho thuê tài chính hoặc chi nhánh công ty cho thuê tài chính được uỷ quyền theo quy định của pháp luật và chấp thuận tham gia theo các hình thức cụ thể mà thành viên đó thực hiện trong cho thuê hợp vốn cho một dự án.

2.4. *Tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn*: Là thành viên được các thành viên tham gia cho thuê tài chính thống nhất lựa chọn và giao trách nhiệm đầu mối cho thuê hợp vốn.

2.5. *Tổ chức đầu mối thanh toán*: Là thành viên được các thành viên còn lại thống nhất lựa chọn và cam kết thực hiện các nghiệp vụ thanh toán cụ thể trong hoạt động cho thuê hợp vốn.

2.6. *Bên thuê*: là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài được quy định theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho thuê tài chính và dịch vụ uỷ thác cho thuê tài chính.

2.7. *Hợp đồng hợp vốn*: Là cam kết bằng văn bản giữa các thành viên tham gia cho thuê hợp vốn về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mỗi thành viên trong quá trình cho thuê hợp vốn.

2.8. *Hợp đồng cho thuê hợp vốn*: Là cam kết bằng văn bản về quyền và nghĩa vụ của nhóm thành viên hoặc từng thành viên hoặc tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn với bên thuê về việc cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật về hoạt động cho thuê tài chính, hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp áp dụng cho thuê hợp vốn:

3.1. Nhu cầu thuê tài chính của bên thuê vượt giới hạn cho thuê tài chính của một công ty cho thuê tài chính (30% vốn tự có của công ty cho thuê tài chính đối với một khách hàng và 80% vốn tự có đối với một nhóm khách hàng có liên quan).

3.2. Khả năng tài chính, nguồn vốn và tài sản của một công ty cho thuê tài chính không đáp ứng được nhu cầu cho thuê tài chính;

3.3. Nhu cầu phân tán rủi ro của công ty cho thuê tài chính;

3.4. Bên thuê có nhu cầu thuê tài chính từ nhiều công ty cho thuê tài chính.

4. Đồng tiền sử dụng trong các giao dịch cho thuê hợp vốn:

Đồng tiền sử dụng trong các giao dịch cho thuê hợp vốn là đồng Việt Nam. Trường hợp giao dịch cho thuê hợp vốn thực hiện bằng ngoại tệ, các bên thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định của pháp luật về cho thuê tài chính.

5. Nguyên tắc tổ chức cho thuê hợp vốn:

5.1. Các thành viên tự nguyện tham gia và thống nhất với nhau về toàn bộ nội dung của khoản cho thuê hợp vốn.

5.2. Thống nhất lựa chọn tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn, tổ chức đầu mối thanh toán.

5.3. Mọi giao dịch về cho thuê tài chính giữa các thành viên, giữa bên cho thuê hợp vốn với bên thuê phải được ghi trong hợp đồng cho thuê hợp vốn.

6. Nguyên tắc thực hiện cho thuê hợp vốn:

6.1. Việc cho thuê hợp vốn dưới mọi hình thức cụ thể, điều kiện cho thuê hợp vốn, việc áp dụng các biện pháp bảo đảm và các biện pháp nghiệp vụ khác thuộc giao dịch cho thuê tài chính trong quá trình cho thuê hợp vốn thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho thuê tài chính và dịch vụ uỷ thác cho thuê tài chính, điều lệ của công ty cho thuê tài chính và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6.2. Thành viên phải thống nhất phương thức thẩm định dự án, có thể thành lập Hội đồng thẩm định hoặc không thành lập Hội đồng thẩm định nhưng phải đảm bảo sự thống nhất giữa các thành viên về hiệu quả và tính khả thi của dự án.

6.3. Bên cho thuê hợp vốn phải thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản đã cho thuê và phối hợp với bên thuê để xử lý những vấn đề phát sinh.

7. Lãi cho thuê, các loại phí và lệ phí trong cho thuê hợp vốn:

7.1. Thành viên phải thống nhất mức và phương thức thu lãi cho thuê. Mức lãi cho thuê được hưởng của từng thành viên được xác định hợp lý theo thoả thuận giữa các thành viên và phù hợp với các quy định về cho thuê tài chính cũng như các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7.2. Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình cho thuê hợp vốn do các bên thoả thuận tại hợp đồng hợp vốn và hợp đồng cho thuê hợp vốn theo quy định hiện hành về phí và lệ phí.

8. Đề xuất cho thuê hợp vốn cho một dự án:

8.1. Sau khi nhận đủ hồ sơ đề nghị cho thuê tài chính hoặc đề nghị cho thuê hợp vốn theo quy định do bên thuê gửi, công ty cho thuê tài chính nhận hồ sơ thực hiện thẩm định sơ bộ, nhận định tính khả thi và các điều kiện khác của dự án có sử dụng tài sản cho thuê tài chính.

8.2. Ngay sau khi thẩm định sơ bộ, công ty cho thuê tài chính nhận hồ sơ phải dự kiến các thành viên tham gia cho thuê hợp vốn để gửi thư mời cho thuê hợp vốn kèm theo kết quả thẩm định sơ bộ cho các tổ chức này nếu dự án cho thuê tài chính có tính khả thi và đủ điều kiện cho thuê hợp vốn. Nếu dự án cho thuê tài chính không đủ điều kiện, tổ chức nhận hồ sơ trả lời khách hàng bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối giao dịch cho thuê tài chính. Thời gian từ khi nhận đủ hồ sơ đến khi trả lời bên thuê tối đa là 7 ngày làm việc.

8.3. Thư mời cho thuê hợp vốn phải có các nội dung cơ bản của dự án cho thuê tài chính (tên, địa chỉ của bên thuê, các điều kiện cho thuê, chi tiết và giá trị của tài sản, phương thức tham gia cho thuê hợp vốn, thời hạn cho thuê hợp vốn, lãi suất, các loại phí, tiền thuê liên quan đến việc thực hiện giao dịch cho thuê tài chính), kèm theo kế hoạch kinh doanh của bên thuê.

9. Phối hợp cho thuê hợp vốn:

9.1. Trong phạm vi thời gian do công ty cho thuê tài chính nhận hồ sơ mời cho thuê hợp vốn đề nghị, sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị cho thuê tài chính, thành viên được mời tham gia căn cứ vào các đề nghị của tổ chức mời cho thuê hợp vốn, các tài liệu gửi kèm theo, khả năng tài chính của mình và các quy định hiện hành để quyết định việc tham gia hay không tham gia cho thuê hợp vốn và phải trả lời đề nghị của tổ chức mời cho thuê hợp vốn bằng văn bản.

9.2. Nếu nhu cầu cho thuê hợp vốn được chấp thuận chưa đủ thì tổ chức đầu mối có thể mời tiếp các công ty cho thuê tài chính khác tham gia.

9.3. Thời gian tối đa để thẩm định sơ bộ, mời và trả lời cho bên thuê về đề nghị cho thuê hợp vốn là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

9.4. Đối với những dự án phức tạp cần có thời gian xem xét, thẩm định, tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn thống nhất với các thành viên về việc kéo dài thời gian thẩm định và phải thông báo cho bên thuê bằng văn bản.

9.5. Việc mời cho thuê hợp vốn có thể thực hiện thông qua các hình thức khác, nhưng chấp thuận của các thành viên phải được lập và gửi bằng văn bản. Khi đã mời đủ thành viên cho thuê hợp vốn, các thành viên thống nhất với nhau việc chọn ra tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn.

10. Thẩm định dự án cho thuê hợp vốn:

10.1. Bên cho thuê hợp vốn lựa chọn và thống nhất với nhau phương thức thẩm định dự án cho thuê hợp vốn nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, bản chính hồ sơ thẩm định phải được lưu giữ tại tổ chức đầu mối và kết quả thẩm định phải được gửi cho các thành viên và lưu tại tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn.

10.2. Kết quả thẩm định phải có đầy đủ thông tin chủ yếu của dự án, năng lực tài chính và khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên thuê đối với bên cho thuê hợp vốn.

11. Hợp đồng hợp vốn:

11.1. Hợp đồng hợp vốn cần có đủ thoả thuận của các thành viên về các nội dung chủ yếu sau:

11.1.1. Thành viên tham gia cho thuê hợp vốn.

11.1.2. Tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn và tổ chức đầu mối thanh toán.

11.1.3. Bên thuê, cơ cấu và kế hoạch nguồn vốn để thực hiện giao dịch cho thuê hợp vốn.

11.1.4. Phương thức và kết quả thẩm định dự án cho thuê hợp vốn.

11.1.5. Hình thức cho thuê hợp vốn.

11.1.6. Nội dung cho thuê hợp vốn:

a. Loại tài sản cho thuê hợp vốn và nguồn vốn để hình thành tài sản có chia ra theo từng thành viên.

b. Các thoả thuận cụ thể về quyền đứng tên tài sản cho thuê, trách nhiệm đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản, trách nhiệm đăng ký giao dịch cho thuê tài chính, trách nhiệm

quản lý tài sản cho thuê, trách nhiệm thu hồi tài sản cho thuê trong các trường hợp theo quy định của pháp luật, trách nhiệm quản lý tài sản bảo đảm cho khoản thuê tài chính.

c. Các thoả thuận cụ thể về lãi, phí và lệ phí trong cho thuê hợp vốn.

d. Nội dung cụ thể của từng hình thức cho thuê hợp vốn theo quy định hiện hành đối với loại tài sản cho thuê, giá trị tài sản cho thuê, thời hạn cho thuê, tiền thuê, phương thức bàn giao tài sản và các nội dung khác theo thoả thuận giữa các thành viên.

11.1.7. Trách nhiệm của từng thành viên, tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn và tổ chức đầu mối thanh toán trong việc ký và thực hiện các hợp đồng cho thuê hợp vốn với bên thuê và với nhau.

11.1.8. Phương thức thu tiền thuê, thanh toán lãi, phí và lệ phí đối với bên thuê và giữa các thành viên.

11.1.9. Phương thức và trách nhiệm trao đổi thông tin giữa các thành viên có liên quan đến việc thực hiện giao dịch cho thuê hợp vốn, phương án sản xuất kinh doanh của bên thuê.

11.1.10. Xử lý rủi ro và tranh chấp giữa các thành viên, nguyên tắc xử lý các phát sinh trong quá trình thực hiện cho thuê hợp vốn.

11.1.11. Lưu trữ hồ sơ.

11.2. Các nội dung khác theo thoả thuận giữa các thành viên tham gia cho thuê hợp vốn.

11.3. Nội dung cụ thể của hợp đồng hợp vốn phải phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, các quy định của Thông tư này và các quy định pháp luật liên quan.

11.4. Căn cứ vào hợp đồng hợp vốn và hợp đồng cho thuê hợp vốn, tổ chức đầu mối thanh toán ký cam kết bảo đảm thanh toán với các thành viên. Cam kết bảo đảm thanh toán bao gồm các nội dung có liên quan đến nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi bên trong việc thực hiện các nghiệp vụ thanh toán phát sinh trong quá trình thực hiện cho thuê hợp vốn phù hợp với các thoả thuận về thanh toán tại hợp đồng hợp vốn và hợp đồng cho thuê hợp vốn.

11.5. Phí trả cho các nghiệp vụ thanh toán do các thành viên thoả thuận và không thu của bên thuê.

11.6. Hợp đồng hợp vốn phải được lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau và mỗi thành viên lưu giữ 1 bản.

12. Hợp đồng cho thuê hợp vốn:

12.1. Nội dung hợp đồng cho thuê hợp vốn phải phù hợp với quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động cho thuê tài chính và dịch vụ uỷ thác cho thuê tài chính và các nội dung cần thiết có liên quan đã thoả thuận tại hợp đồng hợp vốn.

12.2. Trường hợp các bên thống nhất chỉ ký một hợp đồng chung thay thế cho hợp đồng hợp vốn và hợp đồng cho thuê hợp vốn thì nội dung của hợp đồng này phải có đủ các yêu cầu đối với nội dung của 2 hợp đồng được thay thế.

13. Thực hiện cho thuê tài chính theo hợp đồng:

13.1. Mỗi thành viên phải thực hiện đúng các quy định hiện hành đối với từng hình thức cho thuê tài chính theo đúng cam kết tại hợp đồng hợp vốn và hợp đồng cho thuê hợp vốn.

13.2. Tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các thành viên và bên thuê thực hiện cam kết tại hợp đồng cho thuê hợp vốn.

14. Trách nhiệm cung cấp thông tin:

14.1. Bên thuê có trách nhiệm báo cáo đầy đủ tình hình tài chính và hoạt động của mình cho tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn để thực hiện việc theo dõi, kiểm tra sau khi tiến hành việc cho thuê hợp vốn.

14.2. Tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn phải thông báo kịp thời, đầy đủ kết quả kiểm tra sử dụng vốn và các thông tin liên quan cho các thành viên, nhằm bàn bạc và thống nhất thực hiện các biện pháp xử lý khi cần.

14.3. Các thành viên thực hiện trao đổi thông tin về tình hình thực hiện hợp đồng cho thuê hợp vốn theo thoả thuận trong hợp đồng cho thuê hợp vốn.

14.4. Tổ chức đầu mối cho thuê hợp vốn phải gửi báo sao hợp đồng cho thuê hợp vốn và thông báo tình hình có liên quan cho Ngân hàng Nhà nước (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước) để giám sát và hỗ trợ khi cần thiết.

15. Kiểm tra, xử lý rủi ro, tranh chấp:

15.1. Các thành viên phải thường xuyên kiểm tra quá trình thực hiện hợp đồng cho thuê hợp vốn của bên thuê, quá trình quản lý và sử dụng vốn của bên thuê theo các hợp đồng đã ký kết giữa các bên và các quy định hiện hành.

15.2. Trường hợp phát sinh rủi ro trong quá trình cho thuê hợp vốn, các thành viên cùng thoả thuận và thống nhất với bên thuê để xử lý theo hợp đồng cho thuê hợp vốn và các quy định hiện hành.

15.3. Mọi tranh chấp do vi phạm hợp đồng hợp vốn hoặc hợp đồng cho thuê hợp vốn được các bên cùng giải quyết trên cơ sở đàm phán, thoả thuận. Trường hợp không thể giải quyết được có thể khởi kiện theo quy định của pháp luật.

16. Tổ chức triển khai thực hiện:

16.1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

16.2. Căn cứ nội dung Thông tư này và các quy định liên quan của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (giám đốc) các công ty cho thuê tài chính ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể phù hợp với đặc điểm hoạt động của từng công ty cho thuê tài chính và tổ chức triển khai thực hiện.

16.3. Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn hạch toán kế toán đối với các giao dịch cho thuê hợp vốn. Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung Ương, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Thông tư này.

Nơi nhận:

- Như khoản 16,
- Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước,
- Văn phòng Chính phủ (2 bản),
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra),
- Lưu VP, Vụ Pháp chế, Vụ Tín dụng.

KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC
Đã ký : Nguyễn Đồng Tiến